UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64 /QĐ- SNN

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách sự nghiệp năm 2025 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 59/QĐ-SNN ngày 24/01/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh về việc giao dự toán ngân sách sự nghiệp năm 2025 cho Văn phòng sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Sở và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Giám đốc, phó gđ sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu :VT, KT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP&PTNT NÔNG THÔN
TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Quang Thọ

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 64 /QĐ-SNN ngày 7 / 02 / 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh.)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1	Lệ phí thẩm định TK BVTC	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ Loại 280 Khoản 281**	**3.993.700**
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên không tự chủ	3.993.700
2.1	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	
1	**Kinh phí đào tạo**	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

Ghi Chú: Có chi tiết kèm theo

CHI TIẾT DỰ TOÁN SỰ NGHIỆP NĂM 2025
ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Quyết định số: 64 /QĐ-SNN ngày 7 /02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐTV: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
Tổng cộng (kinh phí sự nghiệp phục vụ chung toàn ngành)		**3.993.700**
	Thi đua, khen thưởng toàn ngành	40.000
	Hoạt động KH công nghệ; Hội đồng xét đề tài sáng kiến ngành	40.000
	Tham quan học tập các tỉnh bạn và hội thảo toàn ngành	250.000
	Hỗ trợ KP hoạt động phục vụ các công tác chung của ngành	360.000
	Hỗ trợ KP xúc tiến đầu tư, kinh tế đối ngoại; xúc tiến các dự án mới đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	30.000
	Công tác thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết đơn thư, công tác phòng chống tham nhũng, gian lận thương mại, hàng giả	300.000
	Trang Web của Ngành; truyền hình nông nghiệp nông thôn; Báo chí tuyên truyền	150.000
	Sửa chữa, mua sắm thiết bị phục vụ toàn ngành	250.000
	Kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật hỗ trợ pháp lý cho DN	30.000
	Kinh phí tham mưu chỉ đạo, theo dõi đánh giá thực hiện Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp	150.000
	Hỗ trợ KP cải cách hành chính toàn ngành	60.000
	Kinh phí kiểm tra công tác tài chính, quyết toán và quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc Sở; kiểm tra, tham gia góp ý các quy hoạch, đề án; rà soát, đề xuất danh mục các dự án đầu tư	120.000

	Triển khai các nội dung về công tác thống kê thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT; quy chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Cục Thống kê tỉnh	120.000
	Kinh phí kiện toàn sắp xếp bộ máy theo Nghị quyết 18	100.000
	Kinh phí xây dựng quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị	50.000
	Kinh phí chỉ đạo kiểm tra, tổng hợp báo cáo các công trình xây dựng và nhiệm vụ QLNN hoạt động xây dựng chuyên ngành	120.000
	Kinh phí xây dựng hệ thống các quy chế của Sở	50.000
	Rà soát, sửa đổi, bổ sung xây dựng Đề án vị trí việc làm các đơn vị thuộc Sở	100.000
	Kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ toàn ngành	30.000
	Kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến nông	26.700
	Kinh phí hoạt động Tổ chuyển đổi số ngành	60.000
	Các nhiệm vụ đột xuất của ngành	1.557.000

Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn./.